

Số: 377/TTTr-UBND

Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị quyết quy định mức học phí, mức cấp bù tiền miễn học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên và cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông; mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh, học viên đang theo học tại cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố Hà Nội từ năm học 2025-2026 theo trình tự, thủ tục rút gọn

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố dự thảo Nghị quyết quy định mức học phí, mức cấp bù tiền miễn học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên và cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông; mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh, học viên đang theo học tại cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố Hà Nội từ năm học 2025-2026 theo trình tự, thủ tục rút gọn (sau đây gọi là Nghị quyết), gồm các nội dung sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

a) Căn cứ Nghị quyết số 217/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội về miễn, hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, cụ thể:

(1) Tại Điều 1: “Nghị quyết này quy định miễn, hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông là công dân Việt Nam, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam trong cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân”;

(2) Tại Điều 2: “1. Miễn học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục công lập; 2. Hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục dân lập, tư thục. Mức hỗ trợ học phí do Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định theo khung học phí do Chính phủ quy định nhưng không vượt mức thu học phí của cơ sở giáo dục dân lập, tư thục”;

b) Thực hiện quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025

của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (Nghị định số 238/2025/NĐ-CP), cụ thể như sau:

(1) Tại điểm b, khoản 3 Điều 4 quy định đối với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: “b) *Trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định khung hoặc mức học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, quy định chi tiết danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý để áp dụng tại địa phương*”.

(2) Tại khoản 7 Điều 8: “*Căn cứ khung học phí quy định tại Điều này, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức học phí đối với cơ sở giáo dục công lập và mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em, học sinh dân lập, tư thục nhưng không vượt mức thu học phí của cơ sở giáo dục dân lập, tư thục*”.

(3) Tại khoản 8 Điều 8: “*Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định việc sắp xếp, phân loại các vùng trên địa bàn để quyết định mức học phí, hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục trên địa bàn quản lý*”.

(4) Tại khoản 1 Điều 11: “*Học phí đối với chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông trong cơ sở giáo dục công lập được áp dụng mức học phí tương đương với mức học phí của cơ sở giáo dục phổ thông công lập cùng cấp học trên địa bàn do Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định*”.

Mức học phí là căn cứ để xác định mức hỗ trợ học phí đối với người học chương trình giáo dục phổ thông tại cơ sở giáo dục dân lập, tư thục và mức ngân sách nhà nước hỗ trợ cấp bù cơ sở giáo dục công lập khi thực hiện chính sách miễn học phí đối với người học chương trình giáo dục phổ thông”.

(5) Tại khoản 1 Điều 15 về đối tượng được miễn học phí: “*Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông (học viên theo học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và học viên theo học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông) trong cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân*”.

(6) Tại điểm a khoản 3 Điều 16 về đối tượng được giảm học phí và hỗ trợ đóng học phí: “*Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông (học viên theo học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và học viên theo học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông) trong cơ sở giáo dục dân lập, tư thục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân*”.

(7) Tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 19 về cơ chế miễn, giảm học phí, hỗ trợ học phí và hỗ trợ chi phí học tập: “2. *Ngân sách nhà nước có trách nhiệm cấp bù tiền miễn, giảm học phí đối với người học tại cơ sở giáo dục công lập, cụ*

thể như sau: a) Nhà nước cấp bù tiền miễn học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên và cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông để thực hiện việc miễn học phí đối với người học thuộc các đối tượng miễn học phí quy định tại Nghị định này theo mức do Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định. b) Nhà nước cấp trực tiếp tiền hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông trong cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông thuộc các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu, mức hỗ trợ học phí do Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định theo khung học phí của Chính phủ nhưng không vượt mức thu học phí của cơ sở giáo dục”.

2. Cơ sở thực tiễn

a) Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 29/3/2024 của HĐND Thành phố quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hà Nội từ năm học 2023-2024. Trong đó tại Điều 1 quy định: “Nghị quyết này quy định mức thu học phí từ năm học 2023-2024 đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, cơ sở giáo dục thường xuyên công lập, cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông chưa tự bảo đảm chi thường xuyên trên địa bàn thành phố Hà Nội hoặc cung cấp hoạt động dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên (không bao gồm cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao) của thành phố Hà Nội”.

Hiện nay, theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP về **đối tượng được miễn học phí**: “Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông (học viên theo học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và học viên theo học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông) trong cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân”.

Như vậy việc quy định **mức thu học phí** để áp dụng đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông đang theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, cơ sở giáo dục thường xuyên công lập, cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông chưa tự bảo đảm chi thường xuyên trên địa bàn thành phố Hà Nội tại Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND không còn phù hợp với quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP do vậy cần thiết được thay thế.

b) Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của HĐND Thành phố quy định chế độ hỗ trợ học phí đối với trẻ em mẫu giáo và học sinh phổ thông của thành phố Hà Nội thuộc hộ cận nghèo. Trong đó tại Điều 1 quy định: “Nghị quyết này quy định chế độ hỗ trợ học phí đối với trẻ em mẫu giáo và học sinh phổ thông, học viên các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông của thành phố Hà Nội thuộc hộ cận nghèo”.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP nêu trên thì “trẻ em mẫu giáo và học sinh phổ thông của thành phố Hà Nội thuộc hộ cận

nghèo” không thuộc diện phải đóng học phí do đó không thuộc đối tượng phải hỗ trợ học phí, như vậy Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND không còn phù hợp với quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP do vậy cần được thay thế.

3. Căn cứ pháp lý áp dụng xây dựng Nghị quyết của HĐND Thành phố theo quy trình thủ tục rút gọn

a) Tại điểm d khoản 1 Điều 50 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật: *“Trường hợp cần sửa đổi ngay cho phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành”*.

b) Tại điểm đ khoản 2 Điều 50 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật: *“Thường trực Hội đồng nhân dân theo đề nghị của cơ quan trình quyết định việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành nghị quyết của Hội đồng nhân dân”*.

c) Tại khoản 1 Điều 51 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật: *“Việc đề nghị, quyết định áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn được thực hiện trước hoặc trong quá trình xây dựng chính sách, soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật”*.

d) Tại khoản 1 Điều 53 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật về Thời điểm có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật: *“Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được xây dựng, ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn và trong trường hợp đặc biệt có thể có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành; đồng thời phải được đăng tải ngay trên công báo điện tử, cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật, cổng thông tin điện tử của cơ quan ban hành và đưa tin trên phương tiện thông tin đại chúng”*.

đ) Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành Nghị quyết

Việc ban hành Nghị quyết nhằm mục đích hoàn thiện căn cứ pháp lý cho các cơ sở giáo dục, các cá nhân và các đơn vị có liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội triển khai thực hiện chính sách học phí từ năm học 2025-2026 gồm các nội dung, cụ thể như sau:

- Mức học phí và mức cấp bù tiền miễn học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên và cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông (sau đây được gọi tắt là mức học phí, mức cấp bù tiền miễn học phí đối với cơ sở giáo dục công lập);

- Mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh, học viên đang theo học tại: cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông dân lập, tư thục; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục

phổ thông thuộc các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu trên địa bàn thành phố Hà Nội).

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết

a) Thể chế hóa các quy định của Chính phủ đối với những nội dung thuộc thẩm quyền quy định của HĐND Thành phố về mức học phí, mức cấp bù tiền miễn học phí và mức hỗ trợ học phí theo đúng quy định.

b) Thực hiện quy định về mức học phí, mức cấp bù tiền miễn học phí và mức hỗ trợ học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP bảo đảm phù hợp với tình hình thực tiễn, đặc thù của lĩnh vực giáo dục đào tạo và khả năng cân đối ngân sách của Thành phố.

c) Bảo đảm sự công bằng, thống nhất về mức hỗ trợ học phí giữa các đối tượng học sinh (thuộc đối tượng được hưởng chế độ) theo học tại cơ sở giáo dục dân lập, tư thục và học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục công lập cùng cấp học; mức hỗ trợ học phí không thấp hơn mức ngân sách đã chi trả đối với học sinh dân lập, tư thục khu vực thành thị thuộc đối tượng được miễn học phí trong năm học 2024-2025.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Ngày 21/7/2025, Sở Giáo dục và Đào tạo có Công văn số 2807/SGDDĐT-KHTC về việc tổng hợp số liệu báo cáo phục vụ xây dựng Nghị quyết của HĐND Thành phố gửi UBND các phường, xã và các cơ sở giáo dục tư thục có cấp trung học phổ thông;

Ngày 08/9/2025, Sở Giáo dục và Đào tạo có Công văn số 3569/SGDDĐT-KHTC về việc xin ý kiến dự thảo Tờ trình của UBND Thành phố trình Thường trực HĐND Thành phố về việc đăng ký xây dựng Nghị quyết của HĐND Thành phố quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, mức hỗ trợ học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non giáo dục phổ thông dân lập, tư thục trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Ngày 10/9/2025, Sở Tư pháp Công văn số 3897/STP-VBQP về việc góp ý dự thảo Tờ trình về việc đăng ký xây dựng Nghị quyết quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, mức hỗ trợ học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông dân lập, tư thục trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Ngày 12/9/2025, Sở Tài chính có Công văn số 11172/STC-TCHCSN về việc tham gia ý kiến dự thảo Tờ trình của UBND Thành phố trình Thường trực HĐND Thành phố về việc đăng ký xây dựng Nghị quyết của HĐND Thành phố;

Ngày 15/9/2025, Sở Giáo dục và Đào tạo có Tờ trình số 3678/TTr-SGDDĐT về việc đăng ký xây dựng Nghị quyết quy định mức học phí và mức cấp bù học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em, học sinh học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông dân lập, tư thục trên địa bàn thành phố Hà Nội theo trình tự, thủ tục rút gọn;

Ngày 30/9/2025, UBND Thành phố có Tờ trình số 336/TTr-UBND về việc đăng ký xây dựng Nghị quyết quy định mức học phí và mức cấp bù học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em, học sinh học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông dân lập, tư thục trên địa bàn thành phố Hà Nội theo trình tự, thủ tục rút gọn;

Ngày 14/10/2025, Thường trực HĐND Thành phố có văn bản số 330/HĐND-BVHXH về việc xây dựng Nghị quyết trình tại kỳ họp của HĐND Thành phố;

Ngày 14/10/2025, Sở Giáo dục và Đào tạo có các Công văn: số 4233/SGDĐT-KHTC về việc góp ý dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố; số 4234/SGDĐT-KHTC về việc đăng tải dự thảo Nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử Thành phố;

Ngày 15/10/2025, Sở Giáo dục và Đào tạo có Công văn số 4245/SGDĐT-KHTC về việc gửi phiếu lấy ý kiến góp ý dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố;

Ngày 16/10/2025, Sở Tư pháp có Công văn số 4659/STP-VBPQ về việc góp ý dự thảo Nghị quyết quy định mức học phí và mức cấp bù tiền miễn học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em, học sinh học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông dân lập, tư thục trên địa bàn thành phố Hà Nội từ năm học 2025-2026;

Ngày 17/10/2025, Sở Nội vụ có Công văn số 6208/SNV-SBN về việc góp ý dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố quy định mức học phí và mức cấp bù học phí năm học 2025-2026;

Ngày 17/10/2025, Sở Khoa học và Công nghệ có Công văn số 13514/STC-TCHCSN về việc góp ý đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố;

Ngày 29/10/2025, Sở Tài chính có Công văn số 13514/STC-TCHCSN về việc góp ý đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố;

Ngày 04/11/2025, Sở Giáo dục và Đào tạo có Công văn số 4606/SGDĐT-KHTC về việc xin ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp về dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố;

Ngày 05/11/2025, Sở Tư pháp có Báo cáo số 307/BC-STP thẩm định dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố.

IV. THỰC TRẠNG QUY MÔ TRƯỜNG, LỚP, HỌC SINH VÀ THỰC HIỆN THU HỌC PHÍ ĐỐI VỚI GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG CÔNG LẬP CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI

1. Thực tế quy mô trường, lớp, học sinh đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội

a) Năm học 2024-2025, trên địa bàn thành phố Hà Nội có khoảng 2.913 cơ sở giáo dục với khoảng 2.266.000 học sinh, bao gồm:

(1) Loại hình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập là 2.298 cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập với 1.864.878 học sinh, trong đó:

- Mô hình trường chất lượng cao có 17 cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao (07 trường mầm non, 03 trường tiểu học, 05 trường THCS, 02 trường THPT);

- Các cơ sở giáo dục phổ thông công lập do các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu thành lập có 06 cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; 01 cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (Trường Trung học phổ thông Khoa học giáo dục, trực thuộc Trường Đại học Quốc gia Hà Nội) và một số cơ sở giáo dục mầm non công lập trực thuộc các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu trên địa bàn thành phố Hà Nội.

(2) Loại hình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông dân lập, tư thục có khoảng 586 cơ sở giáo dục với khoảng 342.524 học sinh.

(3) Loại hình giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên có 29 trung tâm giáo dục nghề nghiệp giáo dục thường xuyên với khoảng 58.598 học viên.

b) Năm học 2025-2026, trên địa bàn thành phố Hà Nội có khoảng 2.954 cơ sở giáo dục với khoảng 2.291.539 học sinh, bao gồm:

(1) Loại hình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập là 2.298 cơ sở giáo dục với khoảng 1.999.592 học sinh, trong đó :

(2) Loại hình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông dân lập, tư thục có khoảng 602 cơ sở giáo dục với khoảng 318.572 học sinh;

(3) Loại hình giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên có 29 trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên với khoảng 57.566 học viên.

2. Tình hình thực hiện thu học phí năm học 2024-2025

a) Đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, giáo dục thường xuyên (trừ các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao) thực hiện thu học phí theo quy định tại Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 29/3/2024 của HĐND Thành phố quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hà Nội từ năm học 2023-2024, cụ thể như sau:

Đơn vị: Đồng/tháng/học sinh

Cấp học	Mức thu học phí năm học 2024-2025		
	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành thị (các phường, thị trấn)	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn nông thôn (các xã trừ các xã miền núi)	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã miền núi
Nhà trẻ, Mẫu giáo (không bao gồm trẻ em mầm non 05 tuổi), Trung học phổ thông (THPT), Giáo dục thường xuyên cấp THPT	217.000	95.000	24.000
Trẻ em mầm non 05 tuổi, Trung học cơ sở (THCS), Giáo dục thường xuyên cấp THCS	155.000	75.000	19.000

Mức thu học phí theo hình thức học trực tuyến (Online) bằng 75% mức thu học phí của các cơ sở giáo dục công lập đã được ban hành (gồm cả cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao, cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm chi thường xuyên). Mức thu học phí được làm tròn đến đơn vị nghìn đồng (trong trường hợp mức thu học phí trực tuyến của cấp học có số tiền tuyệt đối lẻ đến tiền đồng).

- Tổng số thu học phí khoảng 1.215,294 tỷ đồng trong đó: cấp học mầm non không bao gồm mầm non 5 tuổi là 316,796 tỷ đồng; cấp THCS là 576,257; cấp THPT là 322,240 tỷ đồng.

- Về thực hiện chính sách miễn, giảm học phí: Tổng kinh phí thực hiện chính sách miễn, giảm học phí cho các đối tượng theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP khoảng 129,597 tỷ đồng (trong đó đối tượng trẻ em mầm non 5 tuổi được miễn học phí từ năm học 2024-2025 khoảng 111,090 tỷ đồng).

b) Đối với các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao

Tổng số thu học phí khoảng 506,326 tỷ đồng trong đó cấp học mầm non là 89,193 tỷ đồng; cấp tiểu học là 103,761 tỷ đồng; cấp THCS là 216,372 tỷ đồng; cấp THPT là 97,000 tỷ đồng.

V. BỔ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định mức học phí từ năm học 2025-2026 đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên và cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội (không bao gồm các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao; cơ sở giáo dục phổ thông công lập do các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu thành lập theo quy định trên địa bàn thành phố Hà Nội).

b) Nghị quyết này quy định mức cấp bù tiền miễn học phí từ năm học 2025-2026 đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên và cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông (không bao gồm các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao; cơ sở giáo dục phổ thông công lập do các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu thành lập theo quy định trên địa bàn thành phố Hà Nội).

c) Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ học phí từ năm học 2025-2026 đối với trẻ em mầm non, học sinh, học viên đang theo học tại: cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục, cơ sở giáo dục phổ thông tư thục, cơ sở giáo dục tư thục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông thuộc các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Đối tượng áp dụng

a) Trẻ em mầm non, học sinh, học viên đang theo học tại các cơ sở giáo dục giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên và cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội.

b) Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội.

c) Các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội.

3. Bộ cục của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết được bố cục gồm 8 Điều, cụ thể:

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

Điều 2. Mức học phí từ năm học 2025-2026 đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội (không bao gồm các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao; cơ sở giáo dục phổ thông do các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu thành lập theo quy định trên địa bàn thành phố Hà Nội).

Điều 3. Mức cấp bù tiền miễn học phí từ năm học 2025-2026 đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên và cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội (không bao gồm các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao; cơ sở giáo dục phổ thông do các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu thành lập theo quy định trên địa bàn thành phố Hà Nội).

Điều 4. Mức hỗ trợ học phí từ năm học 2025-2026 đối với trẻ em mầm non, học sinh, học viên đang theo học tại: cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục, cơ sở giáo dục phổ thông tư thục, cơ sở giáo dục tư thục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông thuộc các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 5. Quy định thời gian áp dụng mức học phí, mức cấp bù tiền miễn học phí và mức hỗ trợ học phí từ năm học 2025-2026 đối cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên và cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông theo hình thức học trực tiếp, trực tuyến (học online) trong trường hợp xảy ra tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp.

Điều 7. Tổ chức thực hiện.

Điều 8. Hiệu lực thi hành.

4. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

a) Quy định mức học phí từ năm học 2025-2026 đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội (không bao gồm các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập do các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu thành lập theo quy định trên địa bàn thành phố Hà Nội).

Mức học phí đề xuất được giữ nguyên như mức học phí năm học 2024-2025 tương ứng theo địa bàn phường, xã (không bao gồm mức học phí của các xã miền núi) đối với từng cấp học đã được Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành tại “*Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 29/3/2024 quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hà Nội năm học từ 2023-2024*”, cụ thể:

- Mức học phí theo hình thức học trực tiếp:

Đơn vị tính: nghìn đồng/học sinh/tháng

Cấp học	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các phường	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã
Nhà trẻ, Mẫu giáo (không bao gồm trẻ em mầm non 05 tuổi), Trung học phổ thông, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông	217.000	95.000
Trẻ em mầm non 05 tuổi, Tiểu học, Trung học cơ sở, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học cơ sở	155.000	75.000

Mức học phí là căn cứ để xác định mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục, cơ sở giáo dục phổ thông tư thục, cơ sở giáo dục tư thục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông và mức ngân sách nhà nước cấp bù tiền miễn học phí đối với cơ sở giáo dục công lập khi thực hiện chính sách miễn học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông.

- Mức học phí theo hình thức học trực tuyến (Online), bằng 75% mức học phí theo hình thức học trực tiếp.

b) Quy định nội dung cấp bù tiền miễn học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên và cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội (không bao gồm các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao; cơ sở giáo dục phổ thông do các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu thành lập theo quy định trên địa bàn thành phố Hà Nội) từ năm học 2025-2026, cụ thể:

- Thực hiện cấp bù tiền miễn học phí đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hà Nội (không bao gồm các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao và cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập do các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu thành lập theo quy định trên địa bàn thành phố Hà Nội).

- Mức cấp bù tiền miễn học phí bằng mức học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hà Nội (không bao gồm các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao và các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập do các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu thành lập theo quy định trên địa bàn thành phố Hà Nội).

c) Quy định nội dung hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh, học viên đang theo học tại: cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục, cơ sở giáo dục phổ thông tư thục, cơ sở giáo dục tư thục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông thuộc các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu trên địa bàn thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

- Thực hiện hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh, học viên đang theo học tại: cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục, cơ sở giáo dục phổ thông tư thục, cơ sở giáo dục tư thục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông thuộc các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu trên địa bàn thành phố Hà Nội từ năm học 2025-2026

- Mức hỗ trợ học phí được áp dụng bằng mức học phí trên địa bàn các phường quy định tại Nghị quyết này đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hà Nội (không bao gồm các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao và cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập do các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu thành lập theo quy định trên địa bàn thành phố Hà Nội), cụ thể:

+ Mức hỗ trợ học phí theo hình thức học trực tiếp

Đơn vị tính: nghìn đồng/học sinh/tháng

Cấp học	Mầm non		Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
	Trẻ em mầm non 05 tuổi	Nhà trẻ, Mẫu giáo (không bao gồm trẻ em mầm non 05 tuổi)			
Mức hỗ trợ học phí	155	217	155	155	217

+ Mức hỗ trợ học phí theo hình thức học trực tuyến:

Đơn vị tính: nghìn đồng/học sinh/tháng

Cấp học	Mầm non		Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
	Trẻ em mầm non 05 tuổi	Nhà trẻ, Mẫu giáo (không bao gồm trẻ em mầm non 05 tuổi)			
Mức hỗ trợ học phí	155	217	155	155	217

d) Thời gian thực hiện: Từ năm học 2025-2026

5. Thuyết minh, giải trình đối với các nội dung đề xuất về mức học phí, mức cấp bù tiền miễn học phí và mức hỗ trợ học phí để thực hiện chính sách miễn học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố Hà Nội từ năm học 2025-2026, cụ thể:

a) Đối với nội dung đề xuất về mức học phí, mức cấp bù tiền miễn học phí và mức hỗ trợ học phí:

(1) Dự thảo Nghị quyết với mục tiêu nhằm cụ thể hóa chính sách miễn học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông công lập quy định tại Nghị quyết số 217/2025/QH15 và Nghị định số 238/2025/NĐ-CP (thay đổi khác biệt so với quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP chỉ thực hiện miễn học phí đối với trẻ em mầm non 5 tuổi, học sinh phổ thông cấp THCS và không thu học phí đối với học sinh tiểu học), do vậy dẫn đến sự thay đổi đối với các nội dung quy định tại dự thảo Nghị quyết từ phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng để phù hợp với việc không quy định mức thu học phí để thực hiện thu học phí từ người học như nội dung đã quy định tại Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND.

(2) Để bảo đảm chính sách an sinh xã hội, thuận lợi khi triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ học phí cho người học theo học tại: cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông dân lập, tư thục; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông thuộc các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu trên địa bàn thành phố Hà Nội, được đề xuất thực hiện theo địa bàn phường và địa bàn xã.

(3) Dự kiến đề xuất quy định mức học phí, mức cấp bù tiền miễn học phí tại Nghị quyết này được giữ nguyên theo quy định tại Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các phường, các xã:

- Phù hợp với tình hình thực tế hiện nay của Thành phố sau khi thực hiện chỉ đạo của Chính phủ về việc sắp xếp các đơn vị hành chính các cấp, thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp còn có 51 phường và 75 xã (chưa quy định cụ thể về xã miền núi). Do các cơ sở giáo dục thuộc địa bàn các xã miền núi trước đây, nay chưa có quy định của cấp có thẩm quyền về địa bàn xã miền núi sau khi thực hiện chính quyền địa phương hai cấp của thành phố Hà Nội, nên đề xuất chung mức học phí trên địa bàn các xã (mức học phí tăng từ 56.000 đồng/học sinh/tháng đến 71.000 đồng/học sinh/tháng). Tuy nhiên việc tăng học phí không tác động đến người học do người học đã được miễn học phí, không làm tăng chi ngân sách do không ảnh hưởng định mức phân bổ ngân sách và giá đặt hàng dịch vụ giáo dục tính trên/học sinh.

- Nhằm hạn chế việc thay đổi mức độ tự chủ sau khi thực hiện chính sách miễn học phí theo quy định tại Nghị định 238/2025/NĐ-CP đối với cơ sở giáo dục công lập cùng cấp học trên địa bàn các phường và địa bàn các xã trong việc xác định tỷ lệ tự bảo đảm chi thường xuyên (không bao gồm các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập thực hiện thí điểm đặt hàng) khi xây dựng phương án tự chủ về tài chính (do nguồn kinh phí ngân sách nhà nước cấp bù miễn học phí được xác định là nguồn thu của đơn vị).

b) Đối với nội dung nguồn kinh phí thực hiện chính sách

(1) Quy định tại khoản 5 Điều 99 Luật Giáo dục: “Trẻ em mầm non 05 tuổi không thuộc đối tượng quy định tại khoản 4 Điều này và học sinh trung học cơ sở được miễn học phí theo lộ trình do Chính phủ quy định”; tại khoản 6, 9 Điều 15 Nghị định số 81/2021/NĐCP: “6. Trẻ em mầm non 05 tuổi không thuộc đối tượng quy định tại khoản 5 Điều này được miễn học phí từ năm học 2024-2025

(được hưởng từ ngày 01 tháng 9 năm 2024; 9. Học sinh trung học cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại khoản 8 Điều này được miễn học phí từ năm học 2025-2026 (được hưởng từ ngày 01 tháng 9 năm 2025))”;

(2) Thực hiện chính sách miễn học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông theo quy định tại Nghị quyết số 217/NQ-QH và Nghị định 238/2025/NĐ-CP đã làm tăng thêm đối tượng được miễn học phí đối với học sinh trung học phổ thông và trẻ em mầm non không bao gồm trẻ em mầm non 5 tuổi (do theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐCP: học sinh tiểu học công lập thuộc diện không phải đóng học phí; trẻ em mầm non 05 tuổi thuộc đối tượng được miễn học phí từ năm học 2024-2025; học sinh trung học cơ sở thuộc đối tượng được miễn học phí từ năm học 2025-2026).

(3) Tác động đối với nguồn kinh phí ngân sách nhà nước khi thực hiện chính sách miễn học phí đối với học sinh trung học phổ thông và trẻ em mầm non không bao gồm trẻ em mầm non 5 tuổi, cụ thể như sau:

- Tổng số kinh phí dự kiến thực hiện chính sách cấp bù tiền miễn học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập năm học 2025-2026 khoảng **2.189,199 tỷ đồng** (cấp học mầm non là 337,304 tỷ đồng, cấp học tiểu học là 701,616 tỷ đồng, cấp học THCS là 611,421 tỷ đồng, cấp THPT là 538,858 tỷ đồng). Đây là số liệu kinh phí dự kiến, khi thực hiện chính sách số kinh phí thực tế ngân sách cấp bù sẽ được thực hiện theo quy định về hồ sơ thủ tục, cơ chế thực hiện và phương thức cấp bù tại Điều 18, 19 và Điều 20 của Nghị định số 238/2025/NĐ-CP;

- Tăng chi ngân sách khoảng 686,284 tỷ đồng, cụ thể: đối tượng trẻ em mầm non (không bao gồm mầm non 5 tuổi) là 147,447 tỷ đồng; học sinh cấp THPT là 538,837 tỷ đồng.

(4) Tác động đối với nguồn kinh phí ngân sách nhà nước khi thực hiện chính sách hỗ trợ học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục dân lập, tư thục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội, cụ thể:

- Mức thu học phí năm học 2025-2026 của các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông dân lập, tư thục cụ thể như sau:

+ Mức thu học phí đối với trẻ em mầm non từ 550.000 đồng/học sinh/tháng (cơ sở mầm non Năng Ban Mai và cơ sở mầm non Thiên Thần Nhỏ - xã Hòa Phú) đến 63.360.000 đồng/học sinh/tháng (Trường Mầm non Diwght Hà Nội - phường Định Công);

+ Mức thu học phí đối với học sinh cấp tiểu học từ 2.000.000 đồng/học sinh/tháng (Trường Tiểu học Nguyễn Khuyến - xã An Khánh) đến 78.600.000 đồng/học sinh/tháng (Trường Tiểu học Diwght Hà Nội - phường Định Công);

+ Mức thu học phí đối với học sinh cấp THCS từ 2.000.000 đồng/học sinh/tháng (Trường Tiểu học, THCS IVS - xã Thanh Oai) đến 89.150.000 đồng/học sinh/tháng (Trường THCS và THPT Diwght Hà Nội - phường Định Công);

+ Mức thu học phí đối với học sinh cấp THPT từ 500.000 đồng/học sinh/tháng (Trường THPT Nguyễn Trục) đến 95.480.000 đồng/học sinh/tháng (Trường THCS và THPT Diwght Hà Nội - phường Định Công);

- Dự kiến đề xuất mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non 5 tuổi, học sinh tiểu học và THCS là 155 nghìn đồng/học sinh/tháng; Trẻ em mầm non (không bao gồm mầm non 5 tuổi) và học sinh cấp học THPT là 217 nghìn đồng/học sinh/tháng.

- Tổng số kinh phí dự kiến thực hiện chính sách hỗ trợ học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục dân lập, tư thục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội năm học 2025-2026 với khoảng **525,800 tỷ đồng** (cấp học mầm non là 222,492 tỷ đồng, cấp học tiểu học là 83.720 tỷ đồng, cấp học THCS là 71,333 tỷ đồng, cấp THPT là 148,255 tỷ đồng). Đây là số liệu kinh phí dự kiến, khi thực hiện chính sách số kinh phí thực tế ngân sách hỗ trợ sẽ được thực hiện theo quy định về hồ sơ thủ tục, cơ chế thực hiện và phương thức chi trả tại Điều 18, 19 và Điều 21 của Nghị định số 238/2025/NĐ-CP.

c) Đối với nội dung tác động về phát sinh thủ tục hành chính

Thực hiện chính sách cấp bù tiền miễn học phí đối với cơ sở giáo dục công lập và hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, người học chương trình giáo dục phổ thông trong các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục, không làm phát sinh thêm thủ tục hành chính.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH HỌND THÀNH PHỐ THÔNG QUA

- Dự kiến kinh phí thực hiện chính sách: Từ nguồn ngân sách Nhà nước.

- Dự kiến trình Hội đồng nhân dân Thành phố khóa XVI xem xét, thông qua vào kỳ họp thứ ~~27~~ của Hội đồng nhân dân Thành phố.

(Kèm theo dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố)

Trên đây là Nghị quyết quy định mức học phí, mức cấp bù tiền miễn học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên và cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông; mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh, học viên đang theo học tại cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố Hà Nội từ năm học 2025-2026 theo trình tự, thủ tục rút gọn, Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Bí thư Thành ủy;
- Các Đ/c Phó Bí thư Thành ủy;
- Đ/c Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các đ/c PCT UBND Thành phố;
- Các Ban: VHXH, KTNS - HĐND Thành phố;
- Các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Tư pháp;
- VPUB: CVP, các Phó Chánh Văn phòng;
- Các phòng: KGVX, KT, NC, TH;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Thu Hà

Số: /2025/NQ-HĐND
Dự thảo

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức học phí, mức cấp bù tiền miễn học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên và cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông; mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh, học viên đang theo học tại cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố Hà Nội từ năm học 2025-2026

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;

Căn cứ Luật Thủ đô số 39/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước 2015;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Xét Tờ trình số...../TTr-UBND ngày ... tháng... năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc dự thảo Nghị quyết quy định mức học phí, mức cấp bù tiền miễn học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên và cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông; mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh, học viên đang theo học tại cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố Hà Nội từ năm học 2025-2026 theo trình tự, thủ tục rút gọn; Báo cáo thẩm tra số/BC-VHXXH ngày ... tháng ... năm 2025 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố; Báo cáo giải trình, tiếp thu số...../BC-UBND ngày ... tháng ... năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố; Ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết quy định mức học phí, mức cấp bù tiền miễn học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên và cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông; mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh, học viên đang theo học tại cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố Hà Nội từ năm học 2025-2026.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định mức học phí từ năm học 2025-2026 đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên và cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội (không bao gồm các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập do các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu thành lập theo quy định trên địa bàn thành phố Hà Nội).

b) Nghị quyết này quy định mức cấp bù tiền miễn học phí từ năm học 2025-2026 đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên và cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông (không bao gồm các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập do các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu thành lập theo quy định) trên địa bàn thành phố Hà Nội.

c) Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ học phí từ năm học 2025-2026 đối với trẻ em mầm non, học sinh, học viên đang theo học tại: cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục, cơ sở giáo dục phổ thông tư thục, cơ sở giáo dục tư thục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông thuộc các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Đối tượng áp dụng

a) Trẻ em mầm non, học sinh, học viên đang theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên và cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội.

b) Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội.

c) Các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 2. Mức học phí từ năm học 2025-2026 đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội (không bao gồm các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập do các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu thành lập theo quy định trên địa bàn thành phố Hà Nội).

1. Mức học phí theo hình thức học trực tiếp

Đơn vị tính: nghìn đồng/học sinh/tháng

Cấp học	Trẻ em mầm non, học sinh, học viên theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các phường	Trẻ em mầm non, học sinh, học viên theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã
Nhà trẻ, Mẫu giáo (không bao gồm trẻ em mầm non 05 tuổi), Trung học phổ thông, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông	217.000	95.000
Trẻ em mầm non 05 tuổi, Tiểu học, Trung học cơ sở, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học cơ sở	155.000	75.000

2. Mức học phí theo hình thức học trực tuyến (Online), bằng 75% mức học phí theo hình thức học trực tiếp, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: nghìn đồng/học sinh/tháng

Cấp học	Trẻ em mầm non, học sinh, học viên theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các phường	Trẻ em mầm non, học sinh, học viên theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã
Nhà trẻ, Mẫu giáo (không bao gồm trẻ em mầm non 05 tuổi), Trung học phổ thông, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông	163.000	71.000
Trẻ em mầm non 05 tuổi, Tiểu học, Trung học cơ sở, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học cơ sở	116.000	56.000

3. Mức học phí để tính học bổng khuyến khích học tập (bao gồm thời gian học theo hình thức học trực tiếp và trực tuyến) đối với học sinh trung học phổ thông chuyên trong các trường chuyên và học sinh các trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao công lập của thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về việc quy định một số nội dung và mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố (Phụ lục 03), bằng mức học phí đối với học sinh cấp học trung học phổ thông tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn phường theo hình thức học trực tiếp được quy định tại khoản 1 điều này.

Điều 3. Mức cấp bù tiền miễn học phí từ năm học 2025-2026 đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên và cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội (không bao gồm các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông do các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu thành lập theo quy định trên địa bàn thành phố Hà Nội).

1. Mức cấp bù tiền miễn học phí theo hình thức học trực tiếp:

Đơn vị tính: nghìn đồng/học sinh/tháng

Cấp học	Trẻ em mầm non, học sinh, học viên theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các phường	Trẻ em mầm non, học sinh, học viên theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã
Nhà trẻ, Mẫu giáo (không bao gồm trẻ em mầm non 05 tuổi), Trung học phổ thông, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông	217.000	95.000
Trẻ em mầm non 05 tuổi, Tiểu học, Trung học cơ sở, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học cơ sở	155.000	75.000

2. Mức cấp bù tiền miễn học phí theo hình thức học trực tuyến (Online), bằng 75% mức cấp bù tiền miễn học phí theo hình thức học trực tiếp, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: nghìn đồng/học sinh/tháng

Cấp học	Trẻ em mầm non, học sinh, học viên theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các phường	Trẻ em mầm non, học sinh, học viên theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã
Nhà trẻ, Mẫu giáo (không bao gồm trẻ em mầm non 05 tuổi), Trung học phổ thông, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông	163.000	71.000
Trẻ em mầm non 05 tuổi, Tiểu học, Trung học cơ sở, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học cơ sở	116.000	56.000

Điều 4. Mức hỗ trợ học phí từ năm học 2025-2026 đối với trẻ em mầm non, học sinh, học viên đang theo học tại: cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục, cơ sở giáo dục phổ thông tư thục, cơ sở giáo dục tư thục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông thuộc các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu trên địa bàn thành phố Hà Nội.

1. Mức hỗ trợ học phí theo hình thức học trực tiếp

Đơn vị tính: nghìn đồng/học sinh/tháng

Cấp học	Mầm non		Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
	Trẻ em mầm non 05 tuổi	Nhà trẻ, Mẫu giáo (không bao gồm trẻ em mầm non 05 tuổi)			
Mức hỗ trợ học phí	155	217	155	155	217

2. Mức hỗ trợ học phí theo hình thức học trực tuyến (Online), bằng 75% mức hỗ trợ học phí theo hình thức học trực tiếp, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: nghìn đồng/học sinh/tháng

Cấp học	Mầm non		Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
	Trẻ em mầm non 05 tuổi	Nhà trẻ, Mẫu giáo (không bao gồm trẻ em mầm non 05 tuổi)			
Mức hỗ trợ học phí	116	163	116	116	163

3. Trường hợp mức hỗ trợ học phí quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này cao hơn mức thu học phí của cơ sở giáo dục, mức hỗ trợ học phí bằng mức thu học phí của cơ sở giáo dục đang thực hiện.

Điều 5. Quy định thời gian áp dụng mức học phí, mức cấp bù tiền miễn học phí và mức hỗ trợ học phí từ năm học 2025-2026 đối cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên và cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông theo hình thức học trực tiếp, trực tuyến (học online) trong trường hợp xảy ra tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật.

1. Đối với các tháng có thời gian học cả tháng theo hình thức học trực tiếp hoặc hình thức học trực tuyến: Áp dụng mức học phí, mức cấp bù tiền miễn học phí và mức hỗ trợ học phí tương ứng theo hình thức học của cấp học.

2. Đối với các tháng đồng thời áp dụng cả hai hình thức học trực tiếp và trực tuyến, căn cứ thời gian học tập thực tế của học sinh tại cơ sở giáo dục để áp dụng mức học phí, mức cấp bù tiền miễn học phí và mức hỗ trợ học phí, cụ thể:

a) Đối với trường hợp thời gian học tập theo hình thức học trực tiếp từ 14 ngày trở lên (bao gồm cả số ngày nghỉ theo quy định của pháp luật) thì thực hiện mức học phí, mức cấp bù tiền miễn và mức hỗ trợ học phí theo hình thức học trực tiếp tương ứng của cấp học.

b) Đối với trường hợp thời gian học tập theo hình thức học trực tuyến từ 14 ngày trở lên (bao gồm cả số ngày nghỉ theo quy định của pháp luật) thì thực hiện mức học phí, mức cấp bù tiền miễn và mức hỗ trợ học phí theo hình thức học trực tuyến tương ứng của cấp học.

3. Tổng thời gian (số tháng) để áp dụng mức học phí, mức cấp bù tiền miễn học phí và mức hỗ trợ học phí (theo hình thức học trực tiếp, trực tuyến) tối đa không quá 9 tháng/năm học.

Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp

Trường hợp các cơ sở giáo dục công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên khi thực hiện chính sách cấp bù tiền miễn học phí theo quy định tại Nghị quyết này có biến động về nguồn thu làm thay đổi mức tự bảo đảm chi thường xuyên, các đơn vị có trách nhiệm rà soát lại phương án tự chủ tài chính, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên theo phân cấp quản lý xem xét, thẩm định để giao quyền tự chủ tài chính theo quy định.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố

a) Tổ chức thực hiện Nghị quyết; chỉ đạo làm tốt công tác tuyên truyền về mức cấp bù tiền miễn học phí, mức hỗ trợ học phí từ năm học 2025-2026.

b) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân các phường, xã tổ chức triển khai thực hiện chính sách từ năm học 2025-2026 gồm các nội dung:

Cấp bù tiền miễn học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên và cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông.

Hỗ trợ học phí đối với người học tại: cơ sở giáo dục mầm non dân lập tư thục, cơ sở giáo dục phổ thông tư thục, cơ sở giáo dục tư thục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông thuộc các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội phối hợp tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày thông qua, thay thế các Nghị quyết: số 02/2024/NQ-HĐND ngày 29/3/2024 của HĐND Thành phố quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hà Nội năm học từ 2023-2024; số 15/2023/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của HĐND Thành phố quy định chế độ hỗ trợ học phí đối với trẻ em mẫu giáo và học sinh phổ thông của thành phố Hà Nội thuộc hộ cận nghèo.

2. Thời gian thực hiện: từ năm học 2025-2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVI, kỳ họp thứ... thông qua ngày... tháng... năm 2025.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính;
- Cục KTVB&QLXLVPHC-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội;
- Thường trực: HĐND, UBND, UBMTTQ Việt Nam TP;
- Các Ban Đảng Thành ủy;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các Ban của HĐND Thành phố;
- Các VP: Thành ủy, ĐDBQH&HĐND TP; UBND TP;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- TT HĐND, UBND các xã, phường của TP;
- Trang TTĐT của Đoàn ĐBQH và HĐND TP;
- Trung tâm TT, DL&CNS Thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Tuấn



ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 2025

**BẢN TỔNG HỢP Ý KIẾN, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý
CỦA DỰ THẢO TỜ TRÌNH, DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH MỨC
HỌC PHÍ, MỨC CẤP BÙ TIỀN MIỄN HỌC PHÍ ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC
MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG, CƠ SỞ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN
VÀ CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO
DỤC PHỔ THÔNG; MỨC HỖ TRỢ HỌC PHÍ ĐỐI VỚI TRẺ EM MẦM NON,
HỌC SINH, HỌC VIÊN ĐANG THEO HỌC TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TỪ NĂM HỌC 2025-2026**

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Giáo dục và Đào tạo (cơ quan chủ trì soạn thảo) đã tổ chức lấy ý kiến đối với hồ sơ dự thảo Nghị quyết quy định mức học phí, mức cấp bù tiền miễn học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên và cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông; mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh, học viên đang theo học tại cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố Hà Nội từ năm học 2025-2026.

1. Tổng số cơ quan, tổ chức, cá nhân đã gửi xin ý kiến góp ý là 141 cơ quan, tổ chức (trong đó có 126 UBND các phường, xã). Tổng số ý kiến góp ý 96 ý kiến.

2. Kết quả cụ thể như sau:

- Số ý kiến đồng ý: 89 ý kiến.

- Sở Tư pháp; Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Công Thương; Sở Văn hoá và Thể thao; Xã Thạch Thất; Xã Dương Hòa có một số ý kiến góp ý, Sở Giáo dục và Đào tạo giải trình cụ thể như sau:

Chính sách hoặc nhóm vấn đề, Điều, khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
Cơ sở pháp lý ban hành Nghị quyết	Sở Tư pháp	Sửa đổi cách thức viện dẫn các văn bản tại phần căn cứ pháp lý	Sở Giáo dục và Đào tạo đã tiếp thu và chỉnh sửa trong dự thảo Nghị quyết.
Tên gọi đối tượng hưởng chính sách	Sở Tư pháp	Cơ quan soạn thảo nên rà soát, thống nhất cách dùng cụm từ "trẻ em, học sinh" hay "người học", "học viên" tại tên Nghị quyết, điểm c khoản 1 Điều 1, điểm a khoản 2	Sở Giáo dục và Đào tạo đã tiếp thu và chỉnh sửa trong dự thảo Nghị quyết.

Chính sách hoặc nhóm vấn đề, Điều, khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
		Điều 1, tên Điều 4 Nghị quyết	
Bổ sung Điều 8 - hiệu lực thi hành	Sở Tư pháp	Do Nghị quyết được chấp thuận xây dựng, ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn, vì vậy khoản 4 Điều 7 và đoạn cuối Nghị quyết nên tách thành 01 Điều và quy định như sau: Điều 8. Hiệu lực thi hành Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua, thay thế các Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND.... <i>Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVI, kỳ họp thứ... thông qua ngày... tháng... năm 2025".</i>	Sở Giáo dục và Đào tạo đã tiếp thu và chỉnh sửa trong dự thảo Nghị quyết.
Nội nhận văn bản	Sở Tư pháp	Tại phần nơi nhận nên ghi rõ "Cục KTVB&QLXLVPHC -Bộ Tư pháp" (Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp)	Sở Giáo dục và Đào tạo đã tiếp thu và chỉnh sửa trong dự thảo Nghị quyết.
Về phạm vi điều chỉnh	Sở Tài chính	Tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị quyết nêu: Nghị quyết quy định mức học phí từ năm học 2025-2026 đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên và cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hà Nội (không bao gồm các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao; cơ sở giáo dục phổ thông công lập do các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu thành lập theo quy định trên địa bàn	(1) Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND quy định mức thu học phí để các cơ sở “giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, cơ sở giáo dục thường xuyên công lập, cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông chưa tự bảo đảm chi thường xuyên trên địa bàn thành phố Hà Nội hoặc cung cấp hoạt động dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên (không bao gồm cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao)” triển khai thực hiện thu học phí từ người học theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP: “...Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quy định trên để quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập thuộc thẩm quyền và quyết định việc sắp xếp, phân loại các vùng trên địa bàn để cơ

Chính sách hoặc nhóm vấn đề, Điều, khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
		Thành phố). Khoản 4 Điều 7 dự thảo Nghị quyết: Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 29/3/2024 của HĐND Thành phố quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hà Nội hoặc cung cấp hoạt động dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên (không bao gồm năm học 2023-2024. Về phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND: quy định mức thu học phí từ năm học 2023-2024 đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hà Nội (không bao gồm các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục thường xuyên công lập, cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông công lập do các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu thành lập theo quy định trên địa bàn Thành phố) để thực hiện quy định tại Điều 8 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP, cụ thể: “khoản 1. Khung học phí là căn cứ để xác định mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông tại cơ sở giáo dục dân lập, tư thục và mức ngân sách nhà nước cấp bù cơ sở giáo dục công lập khi thực hiện chính sách miễn học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông”. chất lượng cao) của thành phố Hà Nội. Theo quy định tại dự thảo Nghị quyết nêu trên, phạm vi điều chỉnh bao gồm các cơ sở giáo dục công lập tự chủ chi thường xuyên và cơ sở giáo dục công lập khi thực hiện chính sách miễn học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông; không dùng để triển khai thu học phí từ cơ sở giáo dục mầm non, người học như Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND. Do đó phạm vi điều chỉnh không thể thống nhất giữa các văn bản. Mặt khác về mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất	sở giáo dục áp dụng mức thu học phí”. Như vậy Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND được ban hành đề quy định mức thu học phí từ người học đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, cơ sở giáo dục thường xuyên công lập, cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông chưa tự bảo đảm chi thường xuyên trên địa bàn thành phố Hà Nội hoặc cung cấp hoạt động dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên (không bao gồm cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao). (2) Đối với nội dung dự thảo Nghị quyết nêu: “Nghị quyết quy định mức học phí từ năm học 2025-2026 đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên và cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hà Nội (không bao gồm các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục thường xuyên công lập, cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông công lập do các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu thành lập theo quy định trên địa bàn Thành phố) để thực hiện quy định tại Điều 8 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP, cụ thể: “khoản 1. Khung học phí là căn cứ để xác định mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông tại cơ sở giáo dục dân lập, tư thục và mức ngân sách nhà nước cấp bù cơ sở giáo dục công lập khi thực hiện chính sách miễn học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông”. Như vậy dự thảo Nghị quyết dự kiến trình HĐND Thành phố với mục đích ban hành mức học phí để làm cơ sở quy định mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông tại cơ sở giáo dục dân lập, tư thục; mức ngân sách nhà nước cấp bù cơ sở giáo dục công lập khi thực hiện chính sách miễn học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông; không dùng để triển khai thu học phí từ người học như Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND. Do đó phạm vi điều chỉnh không thể thống nhất giữa các văn bản. Mặt khác về mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất

Chính sách hoặc nhóm vấn đề, Điều, khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
		đăng, viện nghiên cứu thành lập theo quy định trên địa bàn Thành phố). Vì vậy, Sở Tài chính đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung thuyết minh, làm rõ nội dung nêu trên để đảm bảo tính thống nhất giữa các văn bản quy định mức học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập.	lượng cao; cơ sở giáo dục phổ thông công lập do các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu thành lập theo quy định trên địa bàn Thành phố. Sở Giáo dục và Đào tạo đang triển khai hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết: “Phê duyệt mức học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao; cơ sở giáo dục phổ thông công lập do các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu thành lập theo quy định trên địa bàn thành phố Hà Nội năm học 2025-2026”, trong đó có quy định cụ thể mức thu học phí đối với từng cơ sở giáo dục.
Về mức học phí	Sở Tài chính	- Theo quy định tại khoản 8 Điều 8 Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định: Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định việc sắp xếp, phân loại các vùng trên địa bàn để quyết định mức học phí, hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục trên địa bàn quản lý. - Đề nghị cơ quan soạn thảo báo cáo bổ sung và thuyết minh làm rõ mức thu học phí nêu trong dự thảo Tờ trình: + Thống nhất 1 mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục công lập tự chủ chi thường xuyên và cơ sở giáo dục công lập chưa tự chủ chi thường xuyên + Sau khi HĐND Thành phố quyết định việc sắp xếp,	(1) Đối với nội dung “Thống nhất 1 mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục công lập tự chủ chi thường xuyên và cơ sở giáo dục công lập chưa tự chủ chi thường xuyên”: Như đã nêu ở trên, Nghị quyết dự kiến trình HĐND Thành phố với mục đích ban hành mức học phí để làm cơ sở quy định mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông tại cơ sở giáo dục dân lập, tư thục; mức ngân sách nhà nước cấp bù cơ sở giáo dục công lập khi thực hiện chính sách miễn học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông; không dùng để triển khai thu học phí từ người học như Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND. - Như vậy không thể coi nội dung quy định mức học phí tại dự thảo Nghị quyết là việc thống nhất một mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục công lập tự chủ chi thường xuyên và cơ sở giáo dục công lập chưa tự chủ chi thường xuyên như ý kiến đã nêu. (2) Đối với nội dung: “Sau khi HĐND Thành phố quyết định việc sắp xếp, phân loại các vùng trên địa bàn thì mức thu học phí, mức hỗ trợ học phí sẽ được thực hiện như thế nào vì dự thảo Nghị quyết đang quy định từ năm học 2025-2026” - Hiện nay trên địa bàn thành phố Hà Nội sau khi thực hiện triển khai chỉ đạo của Chính phủ về việc sắp xếp các đơn vị hành chính các cấp, thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp có 51

Chính sách hoặc nhóm vấn đề, Điều, khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình									
		phân loại các vùng trên địa phương (có 01 phường bao gồm phường thuộc bản thì mức thu học phí, quận và các xã thuộc huyện trước khi thực hiện mô mức hỗ trợ học phí sẽ được chỉnh - Phường Chương Mỹ) và 75 xã (bao gồm các thực hiện như thế nào vì dự xã, xã miền núi và thị trấn thuộc huyện trước thực thảo Nghị quyết đang quy định từ năm học 2025-2026. - Đối với mức học phí của nhóm Nhà trẻ, Mẫu giáo (do trẻ em mầm non và học sinh phổ thông công (không bao gồm trẻ em lập thuộc đối tượng được miễn học phí). Do vậy mầm non 05 tuổi): Trước để bảo đảm phù hợp với quy định của Chính phủ thời điểm năm học 2025-2026, nhóm này không thuộc đối tượng được miễn học phí; mức thu học phí đối với nhóm này thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND là 217.000 đồng/học sinh/tháng; hiện nay Sở Giáo dục đang đề xuất chung nhóm Mầm non với mức học phí là 155.000 đồng/học sinh/tháng. Đề nghị cơ quan soạn thảo thuyết minh bổ sung việc đề xuất mức học phí như trên và sự ảnh hưởng đối với khả năng tự chủ tài chính của các cơ sở giáo dục mầm non sau khi điều chỉnh.	Dự thảo Nghị quyết như đã nêu ở trên không quy định mức thu học phí để thu học phí từ người học (do trẻ em mầm non và học sinh phổ thông công lập thuộc đối tượng được miễn học phí). Do vậy đề bảo đảm phù hợp với quy định của Chính phủ và thực tế của thành phố Hà Nội, Sở Giáo dục và Đào tạo điều chỉnh nội dung quy định mức học phí theo ý kiến góp ý của Sở Tài chính cụ thể như sau: Đơn vị tính: nghìn đồng/học sinh/tháng <table><tr><th>Cấp học</th><th>Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các phường</th><th>Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã</th></tr><tr><td>Nhà trẻ, Mẫu giáo (không bao gồm trẻ em mầm non 05 tuổi), Trung học phổ thông, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông</td><td>217.000</td><td>95.000</td></tr><tr><td>Trẻ em mầm non 05 tuổi, Tiểu học, Trung học cơ sở, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học cơ sở</td><td>155.000</td><td>75.000</td></tr></table> Việc quy định như trên có ảnh hưởng, tác động đối với một số cơ sở giáo dục, cụ thể: + Đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thị trấn: trước đây theo quy định Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND có mức thu học phí bằng mức thu học phí các trường trên địa bàn phường (địa bàn thành thị), nay theo dự thảo Nghị quyết thực hiện theo mức cấp bù tiền miễn học phí địa bàn các xã sẽ dẫn đến thay đổi (giảm) về tỷ lệ tự bảo đảm chi thường xuyên khi xác định mức độ tự chủ (tuy nhiên không làm thay đổi về nhóm đơn vị tự chủ); + Đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các xã miền núi theo quy định Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND có quy định mức thu học phí riêng đối với các trường trên địa bàn các xã miền núi (thấp hơn trên địa bàn các xã), nay theo dự thảo Nghị quyết thực hiện theo mức cấp bù tiền miễn học phí địa bàn xã sẽ dẫn đến thay đổi (tăng) về tỷ lệ tự bảo đảm chi thường xuyên khi xác định mức	Cấp học	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các phường	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã	Nhà trẻ, Mẫu giáo (không bao gồm trẻ em mầm non 05 tuổi), Trung học phổ thông, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông	217.000	95.000	Trẻ em mầm non 05 tuổi, Tiểu học, Trung học cơ sở, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học cơ sở	155.000	75.000
Cấp học	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các phường	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã										
Nhà trẻ, Mẫu giáo (không bao gồm trẻ em mầm non 05 tuổi), Trung học phổ thông, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông	217.000	95.000										
Trẻ em mầm non 05 tuổi, Tiểu học, Trung học cơ sở, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học cơ sở	155.000	75.000										

Chính sách hoặc nhóm vấn đề, Điều, khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			độ tự chủ, nhưng cũng không làm thay đổi về nhóm đơn vị tự chủ.
Kỹ thuật soạn thảo văn bản	Sở Khoa học và Công nghệ	“Tại điểm a, khoản 2, Điều 1: Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, lược bỏ một cụm từ “giáo dục” trong đoạn “Trẻ em mầm non, học sinh, học viên đang theo học tại các cơ sở giáo dục giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông...” + Tại Điều 5: Đề nghị bổ sung thêm từ “với” trong cụm “đổi cơ sở giáo dục mầm non” thành “đổi với cơ sở giáo dục mầm non”	Sở Giáo dục và Đào tạo đã tiếp thu và chỉnh sửa trong dự thảo Nghị quyết.
Áp dụng mức học phí theo khu vực, địa bàn dân cư	Sở Công Thương	Việc quy định mức học phí đồng đều cho các cấp mầm non, tiểu học và trung học cơ sở có ưu điểm là đơn giản, thuận tiện trong triển khai và thể hiện sự bình đẳng trong tiếp cận giáo dục. Tuy nhiên, cần nghiên cứu điều chỉnh áp dụng mức học phí có phân chia theo từng địa bàn dân cư như: khu vực nội thành, khu vực phát triển kinh tế cao; khu vực ngoại thành, vùng nông thôn; vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn để bảo đảm tính hợp lý và phù hợp với thực tế kinh tế - xã hội.	Sở Giáo dục và Đào tạo xin giữ nguyên dự thảo Nghị quyết, do chưa có các văn bản pháp lý của cấp có thẩm quyền về việc xác định khu vực nội thành, khu vực phát triển kinh tế cao ...như đề xuất của Sở Công thương làm cơ sở phân tích, đánh giá trình HĐND Thành phố xem xét phê duyệt.
Tự điều chỉnh mức học phí hàng năm	Sở Công Thương	Nghiên cứu, bổ sung nội dung tự điều chỉnh mức học phí hàng năm theo tỷ lệ phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) do Tổng cục Thống kê công	Sở Giáo dục và Đào tạo xin giữ nguyên dự thảo Nghị quyết, do theo quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP việc quy định mức học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập thuộc thẩm quyền HĐND Thành phố.

Chính sách hoặc nhóm vấn đề, Điều, khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
		bổ, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm, giúp học phí được cập nhật, tránh việc phải ban hành Nghị quyết điều chỉnh từng năm, gây tốn kém về thủ tục và thời gian.	
Bổ sung đối tượng áp dụng	Sở Văn hoá và Thể thao	Hiện nay Sở Văn hoá và Thể thao có cơ sở giáo dục Trường Phổ thông Năng khiếu Thể dục Thể thao, đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo bổ sung đối tượng trên vào Nghị quyết	Sở Giáo dục và Đào tạo giữ nguyên dự thảo Nghị quyết, do Trường Phổ thông Năng khiếu Thể dục Thể thao là cơ sở giáo dục phổ thông công lập (theo quy định tại Quyết định thành lập trường số 604/QĐ-UBND ngày 04/02/2009 của UBND Thành phố Hà Nội) thuộc đối tượng áp dụng của Nghị quyết.
Điều 2	Xã Thạch Thất	Đề nghị gộp biểu mức thu học phí trực tiếp, trực tuyến ở khoản 1, khoản 2, Điều 2 theo hướng thu gọn, khoa học hơn	Sở Giáo dục và Đào tạo xin giữ nguyên dự thảo Nghị quyết, do đã điều chỉnh bổ sung các nội dung theo ý kiến góp ý của Sở Tài chính.
Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	Xã Dương Hòa	Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng đề nghị bổ sung dòng cuối khoản 1: “Các mức học phí quy định tại Điều 2 của Nghị quyết này là căn cứ để tính mức cấp bù tiền miễn học phí đối với người học thuộc diện được miễn học phí.” Bổ sung làm rõ đối tượng “người học chương trình giáo dục phổ thông” bao gồm học viên tại cơ sở giáo dục thường xuyên, trung tâm GDNN-GDTX.	Sở Giáo dục và Đào tạo giữ nguyên dự thảo Nghị quyết, do theo quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật Giáo dục số 43/2019/QH14: “ <i>Cơ sở giáo dục thường xuyên bao gồm: a) Trung tâm giáo dục thường xuyên; b) Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên; c) Trung tâm học tập cộng đồng; d) Trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên</i> ”.
Điều 2	Xã Dương Hòa	Điều 2: Mức học phí đối với cơ sở công lập đề nghị thêm đoạn mở đầu: “Mức học phí quy định tại Điều này chỉ dùng làm căn cứ tính cấp bù, không thực hiện thu học phí đối với người học tại cơ sở công lập được miễn học phí”. Bổ sung dòng cuối: “Trường hợp Chính phủ điều chỉnh khung học phí,	Sở Giáo dục và Đào tạo giữ nguyên dự thảo Nghị quyết, do theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP về đối tượng được miễn học phí: “ <i>Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông (học viên theo học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và học viên theo học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ</i>

Chính sách hoặc nhóm vấn đề, Điều, khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
		UBND Thành phố trình HĐND xem xét điều chỉnh tương ứng”.	thông) trong cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân”.
Điều 3	Xã Dương Hòa	Điều 3: Mức cấp bù tiền miễn học phí đề nghị bổ sung khoản mới (Khoản 3): “Kinh phí cấp bù tiền miễn học phí được bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm của UBND xã; thực hiện tạm ứng theo quý, quyết toán theo năm học dựa trên dữ liệu ngành giáo dục. Trường hợp biến động số lượng người học, điều chỉnh theo quý liên kế”.	Sở Giáo dục và Đào tạo giữ nguyên dự thảo Nghị quyết, theo quy định tại: Điều 18. Hồ sơ thủ tục, trình tự thực hiện miễn, giảm học phí, hỗ trợ học phí và hỗ trợ chi phí học tập; Điều 19. Cơ chế miễn, giảm học phí, hỗ trợ học phí và hỗ trợ chi phí học tập ” Nghị định số 238/2025/NĐ-CP đã quy định chi tiết cụ thể và không thuộc thẩm quyền quy định của HĐND Thành phố.
Điều 4	Xã Dương Hòa	Điều 4: Mức hỗ trợ học phí đối với người học tại cơ sở dân lập, tư thục Đề nghị chỉnh khoản 1: “Mức hỗ trợ học phí được ngân sách chuyển cho cơ sở giáo dục để giảm trừ nghĩa vụ nộp học phí cho người học, không chi trả bằng tiền mặt”. Bổ sung khoản 4: “Cơ sở giáo dục có trách nhiệm công khai danh sách và số tiền hỗ trợ học phí được nhận, cập nhật lên hệ thống thông tin của Sở GD&ĐT”.	Sở Giáo dục và Đào tạo giữ nguyên dự thảo Nghị quyết, theo quy định tại: Điều 18. Hồ sơ thủ tục, trình tự thực hiện miễn, giảm học phí, hỗ trợ học phí và hỗ trợ chi phí học tập; Điều 19. Cơ chế miễn, giảm học phí, hỗ trợ học phí và hỗ trợ chi phí học tập ” Nghị định số 238/2025/NĐ-CP đã quy định chi tiết cụ thể và không thuộc thẩm quyền quy định của HĐND Thành phố.
Điều 5	Xã Dương Hòa	Điều 5: Thời gian áp dụng mức học phí, mức cấp bù và hỗ trợ học phí Đề nghị bổ sung khoản 4: “Trường hợp tạm dừng đến trường mà chưa tổ chức học trực tuyến, thực hiện cấp bù hoặc hỗ trợ theo mức học trực tuyến của cấp học tương ứng”	Sở Giáo dục và Đào tạo giữ nguyên dự thảo Nghị quyết, do theo quy định tại khoản 2, Điều 12: “Trường hợp xảy ra tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật thì học phí được thu theo số tháng học thực tế (bao gồm cả thời gian tổ chức dạy học trực tuyến hoặc bố trí thời gian học bù tại trường); không thu học phí trong thời gian không tổ chức dạy học”.

Chính sách hoặc nhóm vấn đề, Điều, khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
Điều 6	Xã Dương Hòa	Điều 6: Điều khoản chuyển tiếp đề nghị bổ sung quy định thời hạn cụ thể: “Các đơn vị hoàn thành việc rà soát, phê duyệt lại phương án tự chủ tài chính trong thời hạn 60 ngày kể từ khi Nghị quyết có hiệu lực”.	Sở Giáo dục và Đào tạo giữ nguyên dự thảo Nghị quyết, do việc quy định thời hạn phê duyệt phương án tự chủ không thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố.
Điều 7	Xã Dương Hòa	Điều 7: Tổ chức thực hiện đề nghị bổ sung vào điểm a, khoản 1: “UBND Thành phố chỉ đạo các cơ sở giáo dục công khai thông tin cấp bù, hỗ trợ học phí trên cổng thông tin điện tử của nhà trường”. Thêm khoản mới: “Sở GD&ĐT định kỳ báo cáo HĐND Thành phố kết quả cấp bù, hỗ trợ học phí theo học kỳ, công khai số liệu và phản hồi ý kiến phụ huynh”.	Sở Giáo dục và Đào tạo giữ nguyên dự thảo Nghị quyết, do việc quy định về công tác công khai, báo cáo định kỳ không thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố, đã được quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP và các văn bản khác có liên quan.

II. Phiếu lấy ý kiến cha mẹ học sinh có con đang con đang theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội (về mức học phí và mức hỗ trợ học phí)

1. Tổng số phiếu lấy ý kiến góp ý là 244.479 phiếu. Tổng số phiếu đồng ý là 239.745 phiếu (tỷ lệ 98,06%), tổng số phiếu không đồng ý và ý kiến khác là 4.734 phiếu (tỷ lệ 1,94%).

2. Kết quả cụ thể như sau: Hầu hết cha mẹ học sinh được lấy ý kiến đồng ý với dự kiến mức học phí và mức hỗ trợ học phí tại dự thảo Nghị quyết, có một số ý kiến khác là đề xuất tăng mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục và học sinh phổ thông tại các cơ sở giáo dục tư thục.



**BẢN SO SÁNH DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT THAY THẾ
CÁC NGHỊ QUYẾT: SỐ 02/2024/NQ-HĐND VÀ SỐ 15/2023/NQ-HĐND**

STT	Nội dung Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND và Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND	Nội dung dự thảo Nghị quyết thay thế	Thuyết minh nội dung thay đổi	Ghi chú
	Tên gọi Nghị quyết: Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND: Quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hà Nội từ năm học 2023-2024; Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND: Quy định chế độ hỗ trợ học phí cho trẻ em mẫu giáo và học sinh phổ thông của thành phố Hà Nội thuộc hộ cận nghèo.	Tên gọi Nghị quyết: quy định mức học phí, mức cấp bù tiền miễn học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên và cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông; mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh, học viên đang theo học tại cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố Hà Nội từ năm học 2025-2026.	Điều chỉnh tên gọi đảm bảo phù hợp với quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.	
1	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng		
1.1	Phạm vi điều chỉnh	1. Phạm vi điều chỉnh		
1.1.1	Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND: Nghị quyết này quy định mức thu học phí từ năm học 2023-2024 đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, cơ sở giáo dục thường xuyên công lập, cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông chưa tự bảo đảm chi thường xuyên trên địa bàn thành phố Hà Nội hoặc cung cấp hoạt động dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên (không bao gồm cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao) của thành phố Hà Nội.	a) Nghị quyết này quy định mức học phí từ năm học 2025-2026 đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên và cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội (không bao gồm các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập do các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu thành lập theo quy định trên địa bàn thành phố Hà Nội).	Điều chỉnh tên gọi thay thế cụm “ <i>chưa tự bảo đảm chi thường xuyên trên địa bàn thành phố Hà Nội hoặc cung cấp hoạt động dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên</i> ” để đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 6 Điều 8 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP	
		b) Nghị quyết này quy định mức cấp bù tiền miễn học phí từ năm học 2025-2026 đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên và cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông (không bao gồm các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập do các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu thành lập theo quy định) trên địa bàn thành phố Hà Nội.	Bổ sung mới để phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 19 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP	

STT	Nội dung Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND và Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND	Nội dung dự thảo Nghị quyết thay thế	Thuyết minh nội dung thay đổi	Ghi chú
1.1.2	Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND: Nghị quyết này quy định chế độ hỗ trợ học phí đối với trẻ em mẫu giáo và học sinh phổ thông, học viên các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông của thành phố Hà Nội thuộc hộ cận nghèo.	c) Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ học phí từ năm học 2025-2026 đối với trẻ em mầm non, học sinh, học viên đang theo học tại: cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục, cơ sở giáo dục phổ thông tư thục, cơ sở giáo dục tư thục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông thuộc các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu trên địa bàn thành phố Hà Nội.	Thay đổi về đối tượng được hỗ trợ để phù hợp với quy định tại khoản 7 Điều 8 và điểm a khoản 2 Điều 19 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP.	
1.2	1.2. Đối tượng áp dụng	2. Đối tượng áp dụng		
	Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND			
1.2.1	a) Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, cơ sở giáo dục thường xuyên công lập, cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông chưa tự bảo đảm chi thường xuyên (không bao gồm cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao) trên địa bàn thành phố Hà Nội và trẻ em mầm non, học sinh phổ thông đang theo học tại các cơ sở giáo dục này.			
1.2.2	b) Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, cơ sở giáo dục thường xuyên công lập, cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cung cấp hoạt động dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên (không bao gồm cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao) của thành phố Hà Nội và trẻ em mầm non, học sinh phổ thông đang theo học tại các cơ sở giáo dục này.	a) Trẻ em mầm non, học sinh, học viên đang theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên và cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội. b) Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội. c) Các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội.	Điều chỉnh để phù hợp các nội dung quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP.	
	Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND			
1.2.3	a) Trẻ em mẫu giáo và học sinh phổ thông thuộc hộ cận nghèo đang theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông của thành phố Hà Nội; học viên thuộc hộ cận nghèo đang theo học tại các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông của thành phố Hà Nội.			
1.2.4	b) Các cơ sở giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông, các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên của thành phố Hà Nội có đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này.			

STT	Nội dung Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND và Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND				Nội dung dự thảo Nghị quyết thay thế	Thuyết minh nội dung thay đổi	Ghi chú																					
1.2.5	Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND a) Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (không bao gồm các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập đang thực hiện thí điểm đặt hàng giá dịch vụ giáo dục theo quy định của thành phố Hà Nội) và trẻ em mầm non, học sinh phổ thông đang theo học tại các cơ sở giáo dục này. b) Các cơ sở giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao chưa tự bảo đảm chi thường xuyên và học sinh phổ thông đang theo học tại cơ sở giáo dục này. c) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan trong việc thi hành Nghị quyết.																											
2	Điều 2 (Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND). Mức thu học phí từ năm học 2023-2024				Điều 2. Mức học phí từ năm học 2025-2026 đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội (không bao gồm các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập do các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu thành lập theo quy định trên địa bàn thành phố Hà Nội).	Quy định chi tiết để làm rõ đối tượng áp dụng mức học phí theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 238/NĐ-CP																						
2.1	1. Mức thu học phí theo hình thức học trực tiếp <table><tr><th>Cấp học</th><th>Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành thị (các phường, thị trấn)</th><th>Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn nông thôn (các xã trừ các xã miền núi)</th><th>Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã miền núi</th></tr><tr><td>Nhà trẻ, Mẫu giáo (không bao gồm trẻ em mầm non 05 tuổi), Trung học phổ thông, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông</td><td>217.000</td><td>95.000</td><td>24.000</td></tr><tr><td>Trẻ em mầm non 05 tuổi, Tiểu học, Trung học cơ sở, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học cơ sở</td><td>155.000</td><td>75.000</td><td>19.000</td></tr></table>				Cấp học	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành thị (các phường, thị trấn)	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn nông thôn (các xã trừ các xã miền núi)	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã miền núi	Nhà trẻ, Mẫu giáo (không bao gồm trẻ em mầm non 05 tuổi), Trung học phổ thông, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông	217.000	95.000	24.000	Trẻ em mầm non 05 tuổi, Tiểu học, Trung học cơ sở, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học cơ sở	155.000	75.000	19.000	1. Mức thu học phí theo hình thức học trực tiếp <i>Đơn vị tính: nghìn đồng/học sinh/tháng</i> <table><tr><th>Cấp học</th><th>Trẻ em mầm non, học sinh, học viên theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các phường</th><th>Trẻ em mầm non, học sinh, học viên theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã</th></tr><tr><td>Nhà trẻ, Mẫu giáo (không bao gồm trẻ em mầm non 05 tuổi), Trung học phổ thông, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông</td><td>217.000</td><td>95.000</td></tr><tr><td>Trẻ em mầm non 05 tuổi, Tiểu học, Trung học cơ sở, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học cơ sở</td><td>155.000</td><td>75.000</td></tr></table>	Cấp học	Trẻ em mầm non, học sinh, học viên theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các phường	Trẻ em mầm non, học sinh, học viên theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã	Nhà trẻ, Mẫu giáo (không bao gồm trẻ em mầm non 05 tuổi), Trung học phổ thông, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông	217.000	95.000	Trẻ em mầm non 05 tuổi, Tiểu học, Trung học cơ sở, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học cơ sở	155.000	75.000	Để bảo đảm chính sách an sinh xã hội, thuận lợi khi triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ học phí cho người học theo học tại: cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông dân lập, tư thục; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông thuộc các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu trên địa bàn thành phố Hà Nội, được đề xuất thực hiện theo địa bàn phường và địa bàn xã.	
Cấp học	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành thị (các phường, thị trấn)	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn nông thôn (các xã trừ các xã miền núi)	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã miền núi																									
Nhà trẻ, Mẫu giáo (không bao gồm trẻ em mầm non 05 tuổi), Trung học phổ thông, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông	217.000	95.000	24.000																									
Trẻ em mầm non 05 tuổi, Tiểu học, Trung học cơ sở, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học cơ sở	155.000	75.000	19.000																									
Cấp học	Trẻ em mầm non, học sinh, học viên theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các phường	Trẻ em mầm non, học sinh, học viên theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã																										
Nhà trẻ, Mẫu giáo (không bao gồm trẻ em mầm non 05 tuổi), Trung học phổ thông, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông	217.000	95.000																										
Trẻ em mầm non 05 tuổi, Tiểu học, Trung học cơ sở, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học cơ sở	155.000	75.000																										

STT	Nội dung Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND và Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND	Nội dung dự thảo Nghị quyết thay thế	Thuyết minh nội dung thay đổi	Ghi chú									
2.2	2. Mức thu học phí theo hình thức học trực tuyến: bằng 75% mức thu học phí theo hình thức học trực tiếp, cụ thể như sau:	2. Mức thu học phí theo hình thức học trực tuyến: bằng 75% mức thu học phí theo hình thức học trực tiếp, cụ thể như sau: <i>Đơn vị tính: nghìn đồng/học sinh/tháng</i> <table><tr><th>Cấp học</th><th>Trẻ em mầm non, học sinh, học viên theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các phường</th><th>Trẻ em mầm non, học sinh, học viên theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã</th></tr><tr><td>Nhà trẻ, Mẫu giáo (không bao gồm trẻ em mầm non 05 tuổi), Trung học phổ thông, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông</td><td>163.000</td><td>71.000</td></tr><tr><td>Trẻ em mầm non 05 tuổi, Tiểu học, Trung học cơ sở, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học cơ sở</td><td>116.000</td><td>56.000</td></tr></table>	Cấp học	Trẻ em mầm non, học sinh, học viên theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các phường	Trẻ em mầm non, học sinh, học viên theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã	Nhà trẻ, Mẫu giáo (không bao gồm trẻ em mầm non 05 tuổi), Trung học phổ thông, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông	163.000	71.000	Trẻ em mầm non 05 tuổi, Tiểu học, Trung học cơ sở, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học cơ sở	116.000	56.000	Không thay đổi	
Cấp học	Trẻ em mầm non, học sinh, học viên theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các phường	Trẻ em mầm non, học sinh, học viên theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã											
Nhà trẻ, Mẫu giáo (không bao gồm trẻ em mầm non 05 tuổi), Trung học phổ thông, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông	163.000	71.000											
Trẻ em mầm non 05 tuổi, Tiểu học, Trung học cơ sở, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học cơ sở	116.000	56.000											
2.3	3. Việc quy định mức thu học phí đối với học sinh tiểu học dùng làm căn cứ để thực hiện mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho các đối tượng học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn, giảm học phí theo quy định (Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP học sinh tiểu học trường công lập thuộc đối tượng không phải đóng học phí).		Không quy định tại Nghị quyết thay thế do quy định về hỗ trợ học phí đã được quy định cụ thể tại Điều 5 của Nghị quyết này.										
2.4	4. Mức học phí để tính học bổng khuyến khích học tập (bao gồm thời gian học theo hình thức học trực tiếp và trực tuyến) đối với học sinh trung học phổ thông chuyên trong các trường chuyên và học sinh các trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao công lập của thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về việc quy định một số nội dung và mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố (Phụ lục 03), bằng mức thu học phí trung học phổ thông ở vùng thành thị theo hình thức học trực tiếp được quy định tại khoản 1 điều này.	3. Mức học phí để tính học bổng khuyến khích học tập (bao gồm thời gian học theo hình thức học trực tiếp và trực tuyến) đối với học sinh trung học phổ thông chuyên trong các trường chuyên và học sinh các trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao công lập của thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về việc quy định một số nội dung và mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố (Phụ lục 03), bằng mức học phí đối với học sinh cấp học trung học phổ thông tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn phường theo hình thức học trực tiếp được quy định tại khoản 1 điều này.	Không thay đổi										
3		Điều 3. Mức cấp bù tiền miễn học phí từ năm học 2025-2026 đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên và cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội (không bao gồm các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông do các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu thành lập theo quy định trên địa bàn thành phố Hà Nội).	Bổ sung mới để thực hiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 19 Nghị định số 238/NĐ-CP										
3.1		1. Mức cấp bù học phí theo hình thức học trực tiếp											

STT	Nội dung Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND và Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND	Nội dung dự thảo Nghị quyết thay thế	Thuyết minh nội dung thay đổi	Ghi chú														
		Đơn vị tính: nghìn đồng/học sinh/tháng <table><tr><td>Cấp học</td><td>Trẻ em mầm non, học sinh, học viên theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các phường</td><td>Trẻ em mầm non, học sinh, học viên theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã</td></tr><tr><td>Nhà trẻ, Mẫu giáo (không bao gồm trẻ em mầm non 05 tuổi), Trung học phổ thông, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông</td><td>217.000</td><td>95.000</td></tr><tr><td>Trẻ em mầm non 05 tuổi, Tiểu học, Trung học cơ sở, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học cơ sở</td><td>155.000</td><td>75.000</td></tr></table>	Cấp học	Trẻ em mầm non, học sinh, học viên theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các phường	Trẻ em mầm non, học sinh, học viên theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã	Nhà trẻ, Mẫu giáo (không bao gồm trẻ em mầm non 05 tuổi), Trung học phổ thông, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông	217.000	95.000	Trẻ em mầm non 05 tuổi, Tiểu học, Trung học cơ sở, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học cơ sở	155.000	75.000							
Cấp học	Trẻ em mầm non, học sinh, học viên theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các phường	Trẻ em mầm non, học sinh, học viên theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã																
Nhà trẻ, Mẫu giáo (không bao gồm trẻ em mầm non 05 tuổi), Trung học phổ thông, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông	217.000	95.000																
Trẻ em mầm non 05 tuổi, Tiểu học, Trung học cơ sở, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học cơ sở	155.000	75.000																
3.2		2. Mức cấp bù tiền miễn học phí theo hình thức học trực tuyến (Online), bằng 75% mức cấp bù tiền miễn học phí theo hình thức học trực tiếp, cụ thể như sau: Đơn vị tính: nghìn đồng/học sinh/tháng <table><tr><td>Cấp học</td><td>Trẻ em mầm non, học sinh, học viên theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các phường</td><td>Trẻ em mầm non, học sinh, học viên theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã</td></tr><tr><td>Nhà trẻ, Mẫu giáo (không bao gồm trẻ em mầm non 05 tuổi), Trung học phổ thông, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông</td><td>163.000</td><td>71.000</td></tr><tr><td>Trẻ em mầm non 05 tuổi, Tiểu học, Trung học cơ sở, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học cơ sở</td><td>116.000</td><td>56.000</td></tr></table>	Cấp học	Trẻ em mầm non, học sinh, học viên theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các phường	Trẻ em mầm non, học sinh, học viên theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã	Nhà trẻ, Mẫu giáo (không bao gồm trẻ em mầm non 05 tuổi), Trung học phổ thông, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông	163.000	71.000	Trẻ em mầm non 05 tuổi, Tiểu học, Trung học cơ sở, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học cơ sở	116.000	56.000							
Cấp học	Trẻ em mầm non, học sinh, học viên theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các phường	Trẻ em mầm non, học sinh, học viên theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã																
Nhà trẻ, Mẫu giáo (không bao gồm trẻ em mầm non 05 tuổi), Trung học phổ thông, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông	163.000	71.000																
Trẻ em mầm non 05 tuổi, Tiểu học, Trung học cơ sở, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học cơ sở	116.000	56.000																
4	Điều 2. Chế độ hỗ trợ (Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND)	Điều 4. Mức hỗ trợ học phí từ năm học 2025-2026 đối với trẻ em mầm non, học sinh, học viên đang theo học tại: cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục, cơ sở giáo dục phổ thông tư thục, cơ sở giáo dục tư thục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông thuộc các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu trên địa bàn thành phố Hà Nội.	Sửa đổi, bổ sung mở rộng đối tượng để phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 19 Nghị định số 238/NĐ-CP															
4.1	1. Mức hỗ trợ: Bằng 50% mức thu học phí do Hội đồng nhân dân Thành phố quy định đối với cơ sở giáo dục công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên tương ứng với hình thức học và vùng, cấp học.	1. Mức hỗ trợ học phí theo hình thức học trực tiếp Đơn vị tính: nghìn đồng/học sinh/tháng <table><tr><td rowspan="2">Cấp học</td><td colspan="2">Mầm non</td><td rowspan="2">Tiểu học</td><td rowspan="2">Trung học cơ sở</td><td rowspan="2">Trung học phổ thông</td></tr><tr><td>Trẻ em mầm non 05 tuổi</td><td>Nhà trẻ, Mẫu giáo (không bao gồm trẻ em mầm non 05 tuổi)</td></tr><tr><td>Mức hỗ trợ học phí</td><td>155</td><td>217</td><td>155</td><td>155</td><td>217</td></tr></table>	Cấp học	Mầm non		Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông	Trẻ em mầm non 05 tuổi	Nhà trẻ, Mẫu giáo (không bao gồm trẻ em mầm non 05 tuổi)	Mức hỗ trợ học phí	155	217	155	155	217		
Cấp học	Mầm non			Tiểu học	Trung học cơ sở				Trung học phổ thông									
	Trẻ em mầm non 05 tuổi	Nhà trẻ, Mẫu giáo (không bao gồm trẻ em mầm non 05 tuổi)																
Mức hỗ trợ học phí	155	217	155	155	217													

STT	Nội dung Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND và Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND	Nội dung dự thảo Nghị quyết thay thế	Thuyết minh nội dung thay đổi	Ghi chú														
4.2		2. Mức hỗ trợ học phí theo hình thức học trực tuyến Đơn vị tính: nghìn đồng/học sinh/tháng <table><tr><th rowspan="2">Cấp học</th><th colspan="2">Mầm non</th><th rowspan="2">Tiểu học</th><th rowspan="2">Trung học cơ sở</th><th rowspan="2">Trung học phổ thông</th></tr><tr><th>Trẻ em mầm non 05 tuổi</th><th>Nhà trẻ, Mẫu giáo (không bao gồm trẻ em mầm non 05 tuổi)</th></tr><tr><td>Mức hỗ trợ học phí</td><td>116</td><td>163</td><td>116</td><td>116</td><td>163</td></tr></table>	Cấp học	Mầm non		Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông	Trẻ em mầm non 05 tuổi	Nhà trẻ, Mẫu giáo (không bao gồm trẻ em mầm non 05 tuổi)	Mức hỗ trợ học phí	116	163	116	116	163		
Cấp học	Mầm non			Tiểu học	Trung học cơ sở				Trung học phổ thông									
	Trẻ em mầm non 05 tuổi	Nhà trẻ, Mẫu giáo (không bao gồm trẻ em mầm non 05 tuổi)																
Mức hỗ trợ học phí	116	163	116	116	163													
4.3	2. Thời gian hỗ trợ: Từ 01 tháng 01 năm 2024 (theo thời gian học sinh học thực tế, tối đa không quá 9 tháng/năm học).	3. Trường hợp mức hỗ trợ học phí quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này cao hơn mức thu học phí của cơ sở giáo dục, mức hỗ trợ học phí bằng mức thu học phí của cơ sở giáo dục đang thực hiện.	Sửa đổi, bổ sung để phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 19 Nghị định số 238/NĐ-CP Sửa đổi, bổ sung để phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 19 Nghị định số 238/NĐ-CP															
4.4	3. Nguồn kinh phí hỗ trợ: Ngân sách nhà nước theo phân cấp.		Không quy định do Nghị định số 238/2025/NĐ-CP															
4.5	4. Phương thức thực hiện		Không quy định, do không thuộc thẩm quyền quy định của HĐND Thành phố; Nghị định số 238/2025/NĐ-CP đã quy định cụ thể chi tiết tại các Điều 20, 21, 22 và 23.															
4.5.1	a) Ủy ban nhân dân Thành phố giao và phân bổ dự toán kinh phí cho Sở Giáo dục và Đào tạo để giao dự toán kinh phí hỗ trợ học phí cho các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo và thực hiện chi trả cho các đối tượng được hưởng chế độ đang theo học tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (chi trả thông qua các cơ sở giáo dục).																	
4.5.2	b) Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã giao và phân bổ dự toán kinh phí hỗ trợ học phí cho các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập trực thuộc theo phân cấp quản lý và trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên; giao và phân bổ dự toán kinh phí hỗ trợ học phí cho phòng giáo dục và đào tạo để chi trả cho các đối tượng được hưởng chế độ đang theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông dân lập, tư thục trên địa bàn theo phân cấp quản lý (chi trả thông qua các cơ sở giáo dục).																	
4.6	5. Đối với đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này đã hưởng chế độ không phải đóng học phí, miễn học phí theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Nghị định số 81/2021/NĐ-																	

STT	Nội dung Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND và Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND	Nội dung dự thảo Nghị quyết thay thế	Thuyết minh nội dung thay đổi	Ghi chú
	CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và các văn bản liên quan sẽ không được hưởng chế độ hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này.			
4.7	6. Ngoài các nội dung chính sách nêu trên, đối tượng thụ hưởng chính sách được hưởng các chính sách khác của Trung ương và Thành phố theo quy định nhưng không trùng lặp về nội dung hỗ trợ. Trường hợp trong cùng thời điểm và cùng một nội dung hỗ trợ, đối tượng thụ hưởng chính sách được hưởng chế độ hỗ trợ có mức hỗ trợ cao nhất.			
5	Điều 3. Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND	Điều 5. Quy định thời gian áp dụng mức học phí, mức cấp bù tiền miễn học phí và mức hỗ trợ học phí từ năm học 2025-2026 đối cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên và cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông theo hình thức học trực tiếp, trực tuyến (học online) trong trường hợp xảy ra tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật.	Sửa đổi, bổ sung đối với cấp bù tiền miễn học phí, hỗ trợ học phí để phù hợp quy định tại Nghị định số 238/NĐ-CP	
5.1	Quy định áp dụng mức thu học phí theo hình thức học trực tiếp, trực tuyến trong trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh, các sự kiện bất khả kháng.	1. Đối với các tháng có thời gian học cả tháng theo hình thức học trực tiếp hoặc hình thức học trực tuyến: Áp dụng mức học phí, mức cấp bù học phí và mức hỗ trợ học phí tương ứng theo hình thức học của cấp học.	Không thay đổi nội dung có chỉnh lý kỹ thuật soạn thảo	
5.2	1. Đối với các tháng có thời gian học cả tháng theo hình thức học trực tiếp hoặc hình thức học trực tuyến: Áp dụng mức thu học phí của tháng đó theo mức đã được quy định tương ứng theo hình thức học và vùng của cấp học.	2. Đối với các tháng đồng thời áp dụng cả hai hình thức học trực tiếp và trực tuyến, căn cứ thời gian học tập thực tế của học sinh tại cơ sở giáo dục để áp dụng mức học phí, mức cấp bù học phí và mức hỗ trợ học phí, cụ thể:	Không thay đổi nội dung có chỉnh lý kỹ thuật soạn thảo	
5.2.1	2. Đối với các tháng đồng thời áp dụng cả hai hình thức học trực tiếp và trực tuyến: Căn cứ thời gian học tập của học sinh tại đơn vị để áp dụng mức thu học phí của tháng đó, trường hợp thời gian học tập theo hình thức học trực tiếp từ 14 ngày trở lên thì thực hiện thu theo hình thức học trực tiếp; trường hợp thời gian học tập theo hình thức học trực tuyến từ 14 ngày trở lên thì thực hiện thu theo hình thức học trực tuyến (bao gồm cả số ngày nghỉ theo quy	a) Đối với trường hợp thời gian học tập theo hình thức học trực tiếp từ 14 ngày trở lên (bao gồm cả số ngày nghỉ theo quy định của pháp luật) thì thực hiện mức học phí, mức cấp bù và mức hỗ trợ học phí theo hình thức học trực tiếp tương ứng của cấp học.	Không thay đổi nội dung có chỉnh lý kỹ thuật soạn thảo	

STT	Nội dung Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND và Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND	Nội dung dự thảo Nghị quyết thay thế	Thuyết minh nội dung thay đổi	Ghi chú
	định của pháp luật) và mức thu học phí tương ứng đã được quy định đối với vùng của cấp học.			
5.2.2		b) Đối với trường hợp thời gian học tập theo hình thức học trực tuyến từ 14 ngày trở lên (bao gồm cả số ngày nghỉ theo quy định của pháp luật) thì thực hiện mức học phí, mức cấp bù và mức hỗ trợ học phí theo hình thức học trực tuyến tương ứng của cấp học.	Không thay đổi nội dung có chỉnh lý kỹ thuật soạn thảo	
5.3	3. Tổng thời gian thu học phí (theo hình thức học trực tiếp, trực tuyến) phải đảm bảo nguyên tắc tổng số tháng thu học phí trong năm không vượt quá 9 tháng/năm.	3. Tổng thời gian (số tháng) để áp dụng mức thu học phí, mức cấp bù học phí và mức hỗ trợ học phí (theo hình thức học trực tiếp, trực tuyến) tối đa không quá 9 tháng/năm học.	Không thay đổi nội dung có chỉnh lý kỹ thuật soạn thảo	
6	Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp - Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND	Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp	Không thay đổi nội dung có chỉnh lý kỹ thuật soạn thảo	
	Trường hợp các cơ sở giáo dục công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên thực hiện thu học phí theo quy định tại Nghị quyết này có biến động về nguồn thu làm thay đổi dự toán thu, chi của đơn vị dẫn đến thay đổi dự toán chi thường xuyên giao tự chủ từ nguồn ngân sách nhà nước so với năm đầu thời kỳ ổn định của giai đoạn tự chủ, các đơn vị có trách nhiệm rà soát lại các khoản thu, chi, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên rà soát, chịu trách nhiệm thẩm định để phê duyệt lại phương án tự chủ tài chính cho thời gian còn lại của thời kỳ ổn định theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.	Trường hợp các cơ sở giáo dục công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên khi thực hiện chính sách cấp bù tiền miễn học phí theo quy định tại Nghị quyết này có biến động về nguồn thu làm thay đổi mức tự bảo đảm chi thường xuyên, các đơn vị có trách nhiệm rà soát lại phương án tự chủ, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên rà soát, chịu trách nhiệm thẩm định để phê duyệt lại phương án tự chủ tài chính theo quy định.		
7	Điều 3. Tổ chức thực hiện - Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND	Điều 7. Tổ chức thực hiện	Sửa đổi, bổ sung để phù hợp quy định tại Nghị định số 238/NĐ-CP	
7.1	1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố	1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố		
7.1.1	a) Tổ chức thực hiện Nghị quyết; chỉ đạo tổ chức tuyên truyền sâu rộng đến các tầng lớp Nhân dân, các cơ quan, tổ chức trên địa bàn Thành phố về chế độ hỗ trợ học phí đối với trẻ em mẫu giáo và học sinh phổ thông của thành phố Hà Nội thuộc hộ cận nghèo quy định tại Nghị quyết.	a) Tổ chức thực hiện Nghị quyết; chỉ đạo làm tốt công tác tuyên truyền về mức cấp bù tiền miễn học phí, mức hỗ trợ học phí từ năm học 2025-2026. b) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân các phường, xã tổ chức triển khai thực hiện chính sách từ năm học 2025-2026 gồm các nội dung: Cấp bù tiền miễn học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên và cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông.	Sửa đổi, bổ sung để phù hợp quy định tại Nghị định số 238/NĐ-CP; Điều chỉnh bổ sung phù hợp với quy định về chính quyền địa phương 2 cấp	

STT	Nội dung Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND và Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND	Nội dung dự thảo Nghị quyết thay thế	Thuyết minh nội dung thay đổi	Ghi chú
		Hỗ trợ học phí đối với người học tại: cơ sở giáo dục mầm non dân lập tư thực, cơ sở giáo dục phổ thông tư thực, cơ sở giáo dục tư thực thực hiện chương trình giáo dục phổ thông; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông thuộc các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu trên địa bàn thành phố Hà Nội.		
7.1.2	b) Chỉ đạo xây dựng, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, đơn giá trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, làm căn cứ xác định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên để trình mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm chi thường xuyên đảm bảo theo quy định.			
7.1.3	c) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đảm bảo việc thực hiện chính sách công khai, minh bạch, đúng quy định.			
7.1.4	b) Chỉ đạo các quận, huyện, thị xã tổ chức rà soát, thực hiện chính sách hỗ trợ, đảm bảo đúng đối tượng, đúng quy định.			
7.2	2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết	2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.	Không thay đổi	
7.3	3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.	3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội phối hợp tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.	Thay đổi để phù hợp tổ chức Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội.	
7.4		4. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày thông qua, thay thế các Nghị quyết: số 02/2024/NQ-HĐND ngày 29/3/2024 của HĐND Thành phố quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hà Nội năm học từ 2023-2024; số 15/2023/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của HĐND Thành phố quy định chế độ hỗ trợ học phí đối với trẻ em mẫu giáo và học sinh phổ thông của thành phố Hà Nội thuộc hộ cận nghèo.	Quy định mới để làm căn cứ khi triển khai thực hiện.	